TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2021
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Huy Cường.

2. Ông Nguyễn Văn Phum.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Trung H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 18, ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Chị và anh Võ Trung H bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1993, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn.

Chị và anh H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 1996 phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính chất công việc của anh Hiếu thường xuyên không có mặt tại nhà nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và không ai nói đến ai. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Võ Thị Kim N, sinh ngày 21-4-1995. Hiện cháu N đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29-4-2021 bị đơn anh Võ Trung H trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị C về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân dẫn đến anh chị mâu thuẫn là do công việc sống xa, không có sự tin tưởng, dẫn đến tình cảm ngày càng xa cách không thể sống cùng nhau. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Võ Thị Kim N, sinh ngày 21-4-1995 như chị C trình bày. Hiện cháu N đã thành niên, có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị C và anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị C và anh H chung sống với nhau vào năm 1993, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị đã đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Võ Thị Kim N, sinh ngày 21-4-1995. Hiện cháu N đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim C và anh Võ Trung H là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Hiện cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 21-4-1995 đã thành niên, có khả năng lao động nên anh chị không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012944 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị C đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Hiệp Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuấn Anh